TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 519/2026/HSST
Ngày 25 tháng 8 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Việt Hùng.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hải Hà.**

Bà **Dương Thị Diễm .**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Thảo** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Linh -** Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 509/2026/TLST – HS, ngày 04 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 988/2026/QĐXXST – HS ngày 13 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo H và tên: **Lê Văn P -** Giới tính: Nam; Sinh năm: 1992; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú: 1014/86 Cách mạng Tháng 8, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi ở cố định; Căn cước công dân số: 0480920*****; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Lê Văn M – Sinh năm: 1963; Họ và tên mẹ: Mai Thị Nguyệt T – Sinh năm: 1964. Theo danh chỉ bản số 208 lập ngày 23/3/2026 của phân trại tạm giam Đống Đa, Công an thành phố H thì Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/02/2022, Công an huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xử lý hành chính về hành vi Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (ngoài thời hiệu).

Tạm giữ: 14/3/2026 Tạm giam: 20/3/2026

Bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Anh Tăng Minh T1, sinh năm: 1992; Trú tại: Thôn Đ, xã B, tỉnh Hưng Yên (xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Kim T2, sinh năm: 1996; Trú tại: 2, Q, phường A, quận G (N là phường G), thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt lại như sau:

Ngày 22/6/2017, Cơ quan CSĐT – Công an quận H nhận được đơn trình báo của anh Tăng Minh T1 (sinh năm: 1992, trú tại: Thôn Đ, xã B, tỉnh Hưng Yên) tố giác Lê Văn P có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 364.000.000 đồng thông qua việc nhận tiền xin việc làm.

Tại cơ quan điều tra, anh Tăng Minh T1 khai: Thông qua mối quan hệ xã hội, Lê Văn P quen với anh Tăng Minh T1. Trong thời gian quen biết, P đã nhiều lần hỗ trợ anh T1 trong việc đổi chuyến bay, giúp khách của anh T1 làm thủ tục check-in khi mang giấy tờ không hợp lệ. Sau đó, P biết anh T1 có nhu cầu xin việc làm tiếp viên hàng không tại Công ty Cổ phần H2, P đã nói với anh T1 rằng bản thân có khả năng xin cho anh T1 vào làm tiếp viên hàng không tại V với chi phí là 16.000 USD (tương đương 346.000.000 đồng). Để tạo lòng tin cho anh T1, P tự giới thiệu trước đây là tiếp viên của Công ty Cổ phần H2, sau đó được chuyển xuống làm nhân viên giám sát nội bộ của hãng hàng không V1 tại sân bay T. Khi gặp trực tiếp P, anh T1 thấy P đeo bảng tên "Lê Văn P" của hãng hàng không Vietjet trên ngực áo. Để củng cố lòng tin, P đã gửi cho anh T1 hình ảnh tin nhắn thể hiện nội dung trao đổi giữa số điện thoại của P với một số điện thoại lưu tên "VJ DUC KHANH", với nội dung nhờ xin cho anh T1 vào làm việc tại V. Do tin tưởng, từ ngày 16/8/2016 đến ngày 24/10/2016, anh T1 đã 07 lần chuyển tiền cho P với tổng số tiền 346.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 17/8/2016, anh T1 chuyển số tiền 40.000.000 đồng từ số tài khoản 0011004285652 tại ngân hàng V2 Sở G chủ tài khoản Tăng Minh T1 vào số tài khoản 0441000693253 ngân hàng V3 chủ tài khoản Trần Quang H1 - nội dung chuyển khoản "Chau Tuấn ck chu Hung hs công viec (bạn Le Văn P1)".

- Ngày 31/8/2016, anh T1 chuyển số tiền 80.000.000 đồng từ số tài khoản 0011004285652 tại ngân hàng V3 Sở G chủ tài khoản Tăng Minh T1 vào số tài khoản 0441000714710 ngân hàng V3 chủ tài khoản Lê Văn P - nội dung chuyển khoản "Tang Minh Tuan ck L hs cong viec 31thang08".

- Ngày 13/9/2016, anh T1 chuyển số tiền 40.000.000 đồng từ số tài khoản 0011004285652 tại ngân hàng V3 Sở G chủ tài khoản Tăng Minh T1 vào số tài khoản

0441000714710 ngân hàng V3 chủ tài khoản Lê Văn P - nội dung chuyển khoản " Tuan chuyen khoan hs xin viec cho LE VAN P".

- Ngày 29/9/2016, anh T1 chuyển số tiền 80.000.000 đồng và 10.000.000 đồng từ số tài khoản 0011004285652 tại ngân hàng V3 Sở G chủ tài khoản Tăng Minh T1 vào số tài khoản 0441000714710 ngân hàng V3 chủ tài khoản Lê Văn P nội dung chuyển khoản "Tuan chuyen khoan hs xin viec cho LE VAN P".

- Ngày 13/10/2016, anh T1 chuyển số tiền 90.000.000 đồng từ số tài khoản 0011004285652 tại ngân hàng V3 Sở G chủ tài khoản Tăng Minh T1 vào số tài khoản 0441000714710 ngân hàng V3 chủ tài khoản Lê Văn P nội dung chuyển khoản "T5 hs xin viec"

- Ngày 24/10/2016, anh T1 chuyển số tiền 6.000.000 đồng từ số tài khoản 0011004285652 tại ngân hàng V3 Sở G chủ tài khoản Tăng Minh T1 vào số tài khoản 0441000714710 ngân hàng V3 chủ tài khoản Lê Văn P nội dung chuyển khoản "tuan ck HA chenh lech USD".

Sau khi nhận tiền, do thời gian kéo dài nhưng anh T1 vẫn chưa được tham gia thi tuyển, P đã lên mạng làm giả các thư điện tử của Tổng công ty H3 với nội dung đã nhận hồ sơ của anh T1 và yêu cầu bổ sung các tài liệu còn thiếu nhằm tạo niềm tin cho anh T1 về việc xin việc vẫn đang được tiến hành. Tuy nhiên, đến thời điểm anh T1 làm đơn tố giác gửi Cơ quan Công an, anh T1 vẫn chưa được nhận vào làm việc tại Công ty Cổ phần H2 và P cũng chưa trả lại số tiền đã nhận. Anh T3 không liên lạc được với Lê Văn P. Nhận thấy P có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của mình, anh T3 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã triệu tập Lê Văn P nhiều lần để làm việc nhưng P không đến nên cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 14/3/2026, Lê Văn P đến Công an thành phố H đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Tại cơ quan điều tra, Lê Văn P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Ngoài ra, P còn khai nhận: Phước làm nhân viên chăm sóc khách hàng của Tổng công ty H3. Tại bộ phận chăm sóc khách hàng của Trung tâm phục vụ khách hàng Vietjet Air. Đây chỉ là bộ phận chăm sóc khách hàng không có chức năng nhiệm vụ tuyển dụng người vào làm việc tại Tổng công ty H3. Đồng thời P đã đưa ra những thông tin gian dối cụ thể: P có sử dụng sim số điện thoại khuyến mại (do lâu ngày nên P không nhớ số sim) nhắn tin vào số điện thoại chính của

P (số 0932689898) với nội dung người gửi "VJ Duc Khanh" là nhân viên tuyển dụng của Tổng công ty H3 và người gửi "VJ/TrinhleTK" để anh T3 tin tưởng hồ sơ của anh T3 đã được nộp vào Tổng công ty H3 và chuyển tiền cho P. Sau đó, nhiều lần anh T3 hỏi về việc đã được nộp hồ sơ cho T3 chưa thì P đã sử dụng điện thoại của mình để chỉnh sửa thông tin trên E để xác nhận hồ sơ tuyển dụng của T3 đã được nộp vào tổng công ty H3. Mục đích để anh T3 tin tưởng việc P xin việc cho anh T3 được diễn ra thuận lợi. P nhận thức được từ thời điểm đó đến nay anh T3 chưa được nhận vào làm tại Tổng công ty H3 và năm 2017 do biết không xin được việc cho anh T3, P có trả 20.000.000 đồng tiền mặt cho anh T3 (không có giấy tờ ghi nhận), ngoài ra không trả bất kỳ số tiền nào khác cho anh T3 (qua kiểm tra điện thoại P vẫn lưu số điện thoại của anh T3 tuy nhiên không liên lạc cho anh T3). P cho biết sau khi nhận tổng số tiền trên của anh T3, P đã chuyển số tiền 300.000.000 đồng cho anh Nguyễn Khánh T4 (sinh năm: 1979; trú tại 1 B, phường B, quận T, TP .) để T4 giúp xin nhận việc cho anh T3, số tiền còn lại 46.000.000 đồng P dùng để tiêu sài cá nhân hết. Tuy nhiên, quá trình P đưa tiền cho T4 không có giấy biên nhận, không có tài liệu chứng minh việc P đưa tiền và thỏa thuận xin việc cho T3 với T4.

Ngày 30/10/2017, Cơ quan CSĐT – C1 đã gửi công văn đề nghị Công ty V4 cung cấp thông tin nhân thân lai lịch của "Khánh Toàn". Ngày 2/11/2017, Công ty V4 có công văn phúc đáp số 1079/TCTHK-VASCO cung cấp: Nguyễn Khánh T4 (sinh năm: 1979; trú tại: 1 B, phường B, quận T, TP. Hồ Chí Minh) là nhân viên giám sát khai thác của Công ty V4. Nguyễn Khánh T4 đã nghỉ không lương từ tháng 9/2020.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Khánh T4 khai: Anh T4 làm tại Công ty V4 từ năm 2013 đến năm 2020 thì anh T4 nghỉ làm. Anh T4 khẳng định từ trước đến nay không quen biết với ai tên Tăng Minh T1, Lê Văn P và người sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook tên Hoàng A: Hoàng Anh D. Anh T4 không có chức năng nhiệm vụ tuyển dụng người vào làm tại Công ty H4.

Quá trình điều tra, P đã thừa nhận: Sau khi nhận được tiền P không đi xin việc cho anh T1 mà đã sử dụng số tiền trên với mục đích trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê tài khoản ngân hàng của anh Tăng Minh T1 phù hợp với dữ liệu anh T1 chuyển khoản cho Lê Văn P (tiến hành rút sao kê tài khoản của Lê Văn P tuy nhiên ngân hàng không có thông tin dữ liệu tài khoản đối ứng trong khoảng thời gian từ 01/8/2016 đến ngày 02/9/2019).

Tiến hành cho Tăng Minh T1 nhận dạng Lê Văn P. Kết quả T1 nhận ra người đã nhận tiền hồ sơ xin việc cho T1 là Lê Văn P trong bản ảnh.

Tiến hành cho P đối chất với anh T1, P đã thừa nhận từ trước đến nay chưa trả lại bất kỳ số tiền nào cho anh T1..

Cơ quan điều tra đã gửi yêu cầu cung cấp thông tin đến Công ty Cổ phần H2. Công ty Cổ phần H2 xác nhận: Từ năm 2016 cho đến ngày 02/9/2024 không ghi nhận bất kể thông tin ứng viên nào tên Tăng Minh T1. Ngày 03/9/2024, có một người tên Tăng Minh T1 nộp hồ sơ online ứng tuyển vị trí tiếp viên hàng không trong đợt tuyển dụng Sky Career 2024 của V nhưng kết quả Không Đ (đính kèm Đơn dự tuyển của ông T1). *(BL 46-48)*

Về dân sự: Anh Lê Kim T2 (sinh năm: 1996; Trú tại: Hồ Chí Minh) – Đại diện gia đình của Lê Văn P đã bồi thường số tiền 346.000.000 đồng cho anh Tăng Minh T1. Anh Tăng Minh T1 không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với hành vi ghép chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim C, hình dấu của công ty cổ phần H2: Cơ quan điều tra không thu giữ được tài liệu để giám định, đây được coi là thủ đoạn nhằm tạo lòng tin để chiếm đoạt tài sản của Lê Văn P nên cơ quan điều tra không xử lý đối với hành vi trên.

Tại bản Cáo trạng số 304/CT-VKSHN-KV1 ngày 30/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hà Nội đã truy tố bị cáo Lê Văn P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tham gia phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố, qua xét hỏi, thẩm vấn tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn P mức án từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lê Kim T2 (sinh năm: 1996; Trú tại: 275/43/9 Q, phường G, thành phố Hồ Chí Minh) – Đại diện gia đình của Lê Văn P đã tự nguyện bồi thường số tiền 346.000.000 đồng cho anh Tăng Minh T1 theo giấy biên nhận ngày 18/3/2026 giữa anh Tăng Minh T1 và anh Lê Kim T2. Anh Tăng Minh T1 không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Văn P nhất trí với bản luận tội, bị cáo nhận tội, xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo khai nhận theo qui trình khi nhận hồ sơ thì chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim C, hình dấu của công ty cổ phần H2. Bị cáo đã chụp ảnh để tạo lòng tin cho bị hại là đã giao nộp hồ sơ cho công ty. Bị cáo không còn lưu giữ hình ảnh để giao nộp cho cơ quan điều tra.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại khoản tiền mà đã đưa cho bị hại vì đây là tiền của bị cáo, không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa qua xét hỏi và tranh luận bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận là: Do có mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại từ trước nên vào tháng 8/2016 tại C N, phường C, thành phố Hà Nội, Lê Văn P đã dùng thủ đoạn gian dối (nói dối bản thân có khả năng xin việc cho anh Tăng Minh T1 và đưa ra thông tin gian dối để anh T1 tin tưởng dù P không có chức năng nhiệm vụ liên quan đến việc tuyển dụng việc làm tại công ty Cổ phần H2) để chiếm đoạt nhiều lần với tổng số tiền **346.000.000 đồng** của anh Tăng Minh T1 (bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của anh Tăng Minh T1 đến tài khoản của Lê Văn P). Sau khi nhận số tiền trên của anh T1, Lê Văn P đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Lê Văn P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn P là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hậu quả nguy hiểm nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với động cơ mục đích vụ lợi cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được luật hình sự bảo vệ.

Với những phân tích trên cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và có mức xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo mới đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[3] Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, hoàn trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt được cho bị hại, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú, bị cáo lần đầu bị đưa ra xét xử – đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Kim T2 (sinh năm: 1996; Trú tại: 275/43/9 Q, phường G, thành phố Hồ Chí Minh) – Đại diện gia đình của Lê Văn P đã tự nguyện bồi thường số tiền 346.000.000 đồng cho anh Tăng Minh T1 theo giấy biên nhận ngày 18/3/2026 giữa anh Tăng Minh T1 và anh Lê Kim T2. Anh Tăng Minh T1 không còn có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Kim T2 xác định khoản tiền bồi thường cho bị cáo là của bị cáo nhờ bồi thường hộ, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015.

Áp dụng Điều 30; Điều 62; Điều 65; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn P 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2026.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo về phần quyền lợi liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Khu vực 1 – Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Thi hành án DS Khu vực 1 – Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; VP/TA

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Hùng